

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2025/HS-ST

Ngày: 20- 6- 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Sâm

2. Ông Đặng Ngọc Tân

- *Thư ký phiên tòa:* bà Phạm Thị Thu- Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Hồng T, sinh ngày 07/11/2003 tại thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn T, xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng N, sinh năm 1983 và bà Lê Thị P, sinh năm 1982; vợ, con: chưa có; Tiền sự, tiền án: không.

Nhân thân: Tháng 02/2022 tham gia nghĩa vụ quân sự đến tháng 01/2024 xuất ngũ.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 02/4/2025 đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: anh Vi Văn T1, sinh năm 1995; nơi cư trú: bản K, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An (vắng mặt)

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Anh T2, sinh năm 1998; nơi cư trú: khu A, xã H, huyện T,

tỉnh Phú Thọ

- Anh Vi Văn P1, sinh năm 1994; nơi cư trú: bản K, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An

- Anh Nguyễn Viết P2, sinh năm 1979; nơi cư trú : thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Anh Trần Văn T3, sinh năm 1994 ; nơi cư trú : thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Những người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cùng làm một tổ thi công lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy cho xưởng gỗ ở thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Ngày 19/3/2025, Lê Hồng T, anh Nguyễn Anh T2, anh Vi Văn T1 và Vi Văn P1 cùng nhau 01 phòng trọ của anh Nguyễn Viết P2, sinh năm 1979, ở thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình để ở. Hằng ngày, T, P1, T1, T2 đi làm tại xưởng gỗ, hết giờ làm thì về phòng trọ nghỉ. Ngày 22/3/2025, sau khi đi làm về, ăn cơm xong, khoảng 23 giờ cả 04 người cùng đi ngủ: T, P1, T1 ngủ chung một giường ở dưới, T2 ngủ trên gác xép. T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại di động Iphone 12 Promax màu ghi xám trị giá 7.867.000 đồng của T1 để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. T ngủ đến khoảng 04 giờ sáng ngày 23/3/2025 thức dậy, mở cửa ra vào, ngồi chơi điện thoại và nhìn thấy chiếc điện thoại của T1 đang cắm sạc đặt ở dưới nền nhà, T cầm chiếc điện thoại để ở vị trí sát cạnh cửa ra vào và tiếp tục ngồi chơi điện thoại. Khoảng 04 giờ 40 phút cùng ngày, T quan sát thấy T1 và mọi người đang ngủ say nên đã lén lút rút chiếc điện thoại trên ra khỏi ổ cắm dây sạc, cho điện thoại vào túi quần bên phải và đem đi bán. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày T đi bộ đến cửa hàng kinh doanh, sửa chữa điện thoại di động Thiêm Táo, số nhà F, đường N, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình của anh Trần Văn T3, sinh năm 1994, trú tại thôn Q, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình để bán điện thoại. Khi T đang đưa điện thoại cho Thiêm xem, chưa kịp giao dịch, mua bán thì bị T1 phát hiện, T nhận đã trộm cắp chiếc điện thoại trên của T1. Sau đó, T1 đã có đơn tố giác hành vi trộm cắp điện thoại của T đến Công an xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 28/3/2025, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Q xác định: 01 điện thoại di

động nhãn hiệu Iphone 12 Pro max, màu ghi xám, tại thời điểm bị xâm hại có trị giá 7.867.000 đồng.

Bản cáo trạng số 66/CT-VKSQP ngày 02/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Lê Hồng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

- Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Hồng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 ; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Hồng T từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm hình sự và xử lý vật chứng: không đặt ra giải quyết

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản và có lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Khoảng 04 giờ 40 phút ngày 23/3/2025, tại nhà trọ của anh Nguyễn Viết P2 tại thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Lê Hồng T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax màu xám ghi trị giá 7.867.000 đồng của anh Vi Văn T1. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với

nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, bị cáo ; Lê Hồng T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo bản thân; do đó không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng có tác dụng giáo dục bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Bị hại là anh Vi Văn T1 đã nhận lại chiếc 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu ghi xám, đã qua sử dụng và không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Đối với anh Trần Văn T3 là chủ cửa hàng kinh doanh, sửa chữa điện thoại di động “Thiên Táo”, tại số nhà F, đường N, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo đem điện thoại trộm cắp được đến bán. Kết quả điều tra, xác minh xác định anh T3 không quen biết T, không có hứa hẹn gì trước, T đem điện thoại trên đến cửa hàng của anh mục đích để bán, khi T vừa đưa điện thoại cho anh xem chưa kịp giao dịch, mua bán thì đã bị anh T1 phát hiện. Anh T3 không biết chiếc điện thoại trên do T trộm cắp mà có, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T không xử lý với anh T3 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Hồng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Lê Hồng T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01(một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Hồng T cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Bị cáo Lê Hồng T phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại là Vi Văn T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THA hình sự CA tỉnh Thái Bình;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS H.Quỳnh Phụ;
- Người TGTT khác;
- UBND xã Tân Trường, TX Nghi Sơn, T.Thanh Hóa;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng